TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ JÚT** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:15/2022/DSST.
Ngày: 02/8/2022.
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lộc Thị Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hòa và bà Nguyễn Thị Thuận

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Dương Chí Công – Thẩm tra viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên toà: ông Hoàng Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2022 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 22/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2022 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2022; quyết định tạm ngừng phiên tòa, số: 35/2022/QĐST – DS ngày 27/5/2022; quyết định tạm ngừng phiên tòa, số 41/2022/QĐST-DS ngày 10/6/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 52/2022/QĐST – DS ngày 08/7/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Trần Cao B và bà Nguyễn Hồng T;

Địa chỉ: Buôn T, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Hợp đồng ủy quyền ngày 18/02/2022): Anh Hồ Ngọc D; địa chỉ: Số M, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị H.

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình lấy lời khai, làm việc tại Tòa án và lời trình bày tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Hồ Ngọc D trình bày: Do có mối quan hệ quan biết nên ngày 11/3/2013 ông Trần Cao B và bà Nguyễn Hồng T có cho ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị H vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), khi vay các bên viết Hợp đồng mượn tiền trên mẫu in sẵn, nội dung: thỏa thuận lãi suất là 1,660 %/tháng, thời hạn trả nợ đến ngày 11/3/2020. Đến hạn trả nợ ông B, bà T đã nhiều lần yêu cầu ông P, bà H thanh toán số tiền còn nợ lại nhưng ông P, bà H đều không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, ông Trần Cao B và bà Nguyễn Hồng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần

Văn P và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán số tiền còn nợ lại là 266.059.096 đồng; trong đó nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi tính đến thời điển khởi kiện là 166.059.096 đồng. Tuy nhiên, ngày 25/5/2022 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi suất chậm trả là 166.059.069 đồng và chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn tính từ 11/3/2013 đến 11/3/2020 là 84 tháng, lãi suất áp dụng là 1,66%, cụ thể cách tính lãi: 100.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 84 tháng = 63.000.000 đồng; tổng số tiền yêu cầu ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Trần Cao B và bà Nguyễn Hồng T là 163.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi ba triệu đồng).

Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị H trình bày: Chữ ký của ôngTrần Văn P và bà Nguyễn Thị H trong phần bên mượn trong Hợp đồng mượn tiền đề ngày 11/3/2013 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là chữ ký chữ viết của mình nhưng số tiền vay là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và đã trả sau đó 10 ngày chứ không phải vay 100.000.000 đồng như Hợp đồng thể hiện, Số tiền 100.000.000 đồng là số tiền bà H dẫn bà Trần Thị D(Bà Trần Thị D, sinh năm 1966, địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện C, tỉnh Đăk Nông) đi vay của bà T, không liên quan đến ông P và bà H và yêu cầu Tòa án buộc bà D phải có trách nhiệm trả cho bà T. Ông P, bà H không đồng ý trả tiền cho ông Trần Cao B và bà Nguyễn Hồng T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt tại các buổi hòa giải, vụ án không hòa giải được nên HĐXX xét xử là phù hợp quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho ông Trần Cao B và bà Nguyễn Hồng T số tiền 100.000.000đ *(Một trăm triệu đồng)* và tiền lãi trong hạn với mức lãi suất là 0.75%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị H cư trú tại thôn A, xã Đ, huyện C, tỉnh Đăk Nông phải phải trả số tiền vay còn nợ lại là 100.000.000đ và lãi suất 1.66%/tháng kể từ thời điểm vay cho đến khi

thanh toán xong do đó quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo khoản 3 Điều 26 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện: Xét Hợp đồng mượn tiền đề ngày 11/3/2013, thời hạn trả nợ ngày 11/3/2020. Đến ngày 15/02/2022 ông Trần Cao B, bà Nguyễn Hồng T khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tiền gốc và lãi. Do vậy, thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn theo quy định tại Điều 184 BLTTDS.

- Về thời hạn giải quyết vụ án: Vụ án được thụ lý ngày 15/02/2022, ngày 15/4/2022 vụ án được đưa ra xét xử công khai, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án được giải quyết trong hạn luật định.

[2]. Về nội dung: Hợp đồng vay tài sản giữa ông Trần Cao B, bà Nguyễn Hồng T và ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị H là có thật, được thể qua Hợp đồng mượn tiền đề ngày 11/3/2013 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bản gốc, ông P, bà H thừa nhận chữ ký, chữ viết trong phần bên mượn trong Hợp đồng là chữ ký, chữ viết của mình. Do đó căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án.

Nội dung hợp đồng: Các bên thỏa thuận ông B, bà T cho ông P, bà H cho vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); lãi suất là 1,660 %/tháng, thời hạn trả nợ đến ngày 11/3/2020. Xét nội dung của hợp đồng: ông P, bà H ký nhận nợ trong tình trạng sức khỏe hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn, không có căn cứ nào thể hiện bị ép buộc khi viết giấy tờ này nên khẳng định Hợp đồng mượn tiền đề ngày 11/3/2013 là hợp pháp, thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định của pháp luật. HĐXX xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại Điều 471; khoản 1, khoản 4 Điều 471, Điều 474 và Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tại Điều 471 BLDS 2005 quy định:

" Điều 471. Hợp đồng vay tài sản

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"

Tại khoản 1 khoản 5 Điều 474 của BLDS 2005 quy định:

"Điều 474. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác

2....

5. Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ."

Tại Điều 478 BLDS 2005 quy định:

" Điều 478. Thực hiện hợp đồng vay có kỳ hạn

1. Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý, còn bên cho vay chỉ được đòi lại tài sản trước kỳ hạn, nếu được bên vay đồng ý.

2. Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản trước kỳ hạn, nhưng phải trả toàn bộ lãi theo kỳ hạn, nếu không có thoả thuận khác."

Hợp đồng vay tài sản giữa ông B, bà T cho ông P, bà H đến thời hạn trả nợ nhưng ông P, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ông P, bà H đã vi phạm thời hạn trả nợ.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên việc rút một phần yêu cầu tính lãi đối với số tiền lãi suất chậm trả là 166.059.069 đồng, và chỉ yêu cầu ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền từ thời điểm vay từ ngày 11/3/2013 đến ngày 11/3/2020 là lãi vay trong hạn, với mức lãi suất là 0.75%/tháng. HĐXX nhận thấy việc rút một phần yêu cầu tính lãi là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên HĐXX cần áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

Theo Quyết định số 2665/QĐ-NHNN, ngày 25/11/2009 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 09%/năm, tương đương 0.75%/tháng. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất trong hạn từ 11/3/2013 đến 11/3/2022 với mức lãi suất 0,75%/tháng, cụ thể cách tính lãi: 100.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 84 tháng = 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng), mức đề nghị áp dụng lãi suất trong hạn là phù hợp, HĐXX cần chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX xét thấy: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở: buộc ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Trần Cao B, bà Nguyễn Hồng T số tiền 163.000.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu đồng), trong đó: 100.000.000 đồng tiền gốc và 63.000.000 đồng tiền lãi.

[3]. Đối với yêu cầu tại phiên tòa ngày 27/5/2022 của ông P, bà H về việc đề nghị HĐXX đưa bà Trần Thị D, sinh năm 1966, địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện C, tỉnh Đăk Nông tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và yêu cầu bà D phải có nghĩa vụ trả tiền cho bà Nguyễn Hồng T: Tòa án đã triệu tập bà Trần Thị D đến làm việc: bà D xác định không có vay tiền của bà T; bà T có văn bản trình bày không có cho bà D vay tiền; tại phiên tòa đại diện theo ủy

quyền của nguyên đơn cũng khẳng định không có việc bà T cho bà D vay tiền. HĐXX xét thấy: việc yêu cầu phát sinh của bị đơn ông P, bà H tại phiên tòa không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của bà D, không cần thiết đưa bà Trần Thị D tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này. Như vậy, để đảm bảo quyền lợi của ông P, bà H, cần tách yêu cầu của ông P, bà H để giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn khởi kiện cụ thể.

[4]. Đối với yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" đối với với 01 thửa đất thuộc thửa đất số 309, tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại: thôn A, xã Đ, huyện C, tỉnh Đăk Nông. Xét thấy: Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của bên vay tài sản cần tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 16/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút để đảm bảo thi hành án.

[5]. *Về án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự với số tiền 163.000.000đ x 5% = 8.150.000đ (Tám triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng); nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235 khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 305, Điều 474, Điều 476 và Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Cao B và bà Nguyễn Hồng T.

1. Buộc ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Trần Cao B và bà Nguyễn Hồng T tổng số tiền 163.000.000 đồng *(Một trăm sáu mươi ba triệu đồng)*; trong đó: nợ gốc: 100.000.000 đồng; nợ lãi: 63.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, ông Trần Cao B và bà Nguyễn Hồng T có quyền yêu cầu thi hành án. Từ khi có đơn yêu cầu thi hành án thì áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

2. Đình chỉ xét xử đối với số tiền 166.059.096 đồng *(Một trăm sáu mươi sáu triệu, không trăm năm mươi chín nghìn, không trăm chín mươi sáu đồng)* là yêu cầu tính lãi quá hạn (Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/02/2022) của nguyên đơn.

3.Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số: 03/2022/QĐ-BPKCTT ngày 16/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút về áp dụng biện pháp khẩn cáp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ".

4. Về án phí: Buộc ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị H phải nộp 8.150.000đ *(Tám triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Trần Cao B và bà Nguyễn Hồng T số tiền 6.651.000đ *(Sáu triệu, sáu trăm năm mươi mốt nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0003663 ngày 15 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đăk Nông;*
- *VKSND huyện Cư Jút;*
- *CCTHADS huyện C;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lộc Thị Vinh